

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27.9.2018

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Ông Trần Lâm

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng – Chức vụ: Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 474/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T - sinh năm 1977; nơi cư trú: Số A đường B, tổ C phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng; hiện trú tại: số D đường B, phường C, quận D, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Việt H - sinh năm 1968; nơi cư trú: Số A đường B, tổ C phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng A - Luật sư Văn phòng Luật sư Đỗ Pháp thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Thế T - sinh năm 1975 và bà Trần Thị Hằng L - sinh năm 1982; cùng nơi cư trú: Tổ A phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2017 và ngày 22 tháng 3 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Việt H đã đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/1999 tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống

tại địa chỉ số K01/4 đường Lê Trọng Tấn, tổ 24 phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, quan điểm sống không hợp dẫn đến tình cảm rạn nứt thời gian dài nên không thể cứu vãn được nữa. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Lê Việt H.

Về quan hệ con chung: Bà T xác định bà và ông H có 02 con chung là Lê Việt T - sinh ngày 19/3/2000 và Lê Hùng S - sinh ngày 28/3/2008. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hùng S - sinh ngày 28/3/2008 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông H không cấp dưỡng nuôi con. Còn con Lê Việt T - sinh ngày 19/3/2000 đã trưởng thành (tự có khả năng lao động) nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung khi ly hôn (không bao gồm các tài sản theo yêu cầu phân chia của ông H) bao gồm: 01 nhà và đất ở tại số 7D đường Lê Trọng Tấn, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, trị giá tạm tính 2.800.000.000đ, 01 ngôi nhà và toàn bộ nội thất trên lô đất tại số K01/4 đường Lê Trọng Tấn, tổ 24 phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, trị giá tạm tính 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); 01 lô đất tại kiệt đường Ngô Quyền, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng do F375 cấp cho gia đình sĩ quan, trị giá tạm tính 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), trên đất hiện nay có nhà trọ do ông Phạm Thế T và bà Trần Thị Hằng L xây dựng; tiền mặt 1.730.000.000đ (một tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng). Toàn bộ tài sản chung tôi yêu cầu Tòa án chia theo quy định pháp luật.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 và tại phiên tòa, ông Phạm Thị T có đơn rút yêu cầu chia tài sản trên.

Theo bản khai, đơn yêu cầu chia tài sản ngày 14 tháng 12 năm 2017, ý kiến trình bày tại các phiên Hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Việt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Việt H thống nhất như lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng, tuy nhiên mâu thuẫn đó chỉ là nhỏ chưa đến mức trầm trọng như bà T trình bày. Ông có nguyện vọng xin được đoàn tụ để xây dựng gia đình, lo cho con cái, nếu bà tại phiên nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông đồng ý.

Về quan hệ con chung: Ông H thống nhất như lời trình bày của bà T về con chung, ông H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung Lê Hùng S - sinh ngày 28/3/2008. Nếu bà T cương quyết được nuôi con chung thì ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng và ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con. Đối con chung Lê Việt T - sinh ngày 19/3/2000 đã trưởng thành (tự có khả năng lao động) nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung bao gồm: 01 nhà và đất ở tại số 7D đường Lê Trọng Tấn, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, trị giá tạm tính 2.800.000.000đ (hai tỷ tám trăm triệu đồng); 01 lô đất tại thôn Tây Phú, xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, giá trị tạm tính 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng); tiền mặt 1.130.000.000đ (một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng) bà T đang cất giữ. Tổng giá trị tài sản là 4.130.000.000đ. Chia theo pháp luật, mỗi người được hưởng 1/2 giá trị là 2.056.000.000đ

Về nợ chung: ông H xác định không có.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 và tại phiên tòa, ông Lê Việt H có đơn rút yêu cầu chia tài sản trên.

Theo bản tự khai ngày 30 tháng 3 năm 2018, ý kiến trình bày tại các phiên hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thế T và bà Trần Thị Hằng L trình bày:

Năm 2017 vợ chồng ông Phạm Thế T, bà Trần Thị Hằng L có thỏa thuận với vợ chồng ông Lê Việt H, bà Phạm Thị T để cho vợ chồng Tuyên xây nhà trọ trên lô đất lô đất tại địa chỉ: Số K495/138 đường Ngô Quyền, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, với tổng số tiền là 245.000.000đ (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Do đó yêu cầu ông H, bà T trả lại số tiền trên cho vợ chồng ông. Ngày 20 tháng 10 năm 2018, ông Tuyên, bà Liên có đơn rút yêu cầu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán và HĐXX thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu xin được ly hôn của bà Phạm Thị T đối với ông Lê Việt H là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và Điều 56 và 58 luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận
- Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T.
- Về Tài sản chung: Đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà T và ông H.
- Về nợ chung: Bà T và ông H xác định không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- [1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Ngày 03 tháng 10 năm 2017, bà Phạm Thị T khởi kiện vụ án Hôn nhân và Gia đình, về việc "Ly hôn" đối với ông Lê Việt H, nơi cư trú: Tổ 24, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; ngày 03/10/2017 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và

khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt nhưng bị đơn yêu cầu HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt luật sư; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do. HĐXX căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

- [2] *Xét về nội dung:* Tại phiên tòa, bà Phạm Thị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, quan điểm sống không hợp dẫn đến tình cảm rạn nứt thời gian dài nên không thể cứu vãn được nữa. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay, phần ai đây sống không còn quan tâm gì đến nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Việt H. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Lê Việt H là hợp pháp; nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như bà T trình bày được ông H thừa nhận. Do đó, HĐXX có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa bà T có nguyện vọng được ly hôn, ông H cũng đồng ý. Xét yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên HĐXX chấp nhận.
- [3] Về quan hệ con chung: Việc nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái là nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này. Tại phiên tòa hôm nay, bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Lê Hùng S, sinh ngày 28.3.2008, xét yêu cầu nuôi con của bà T phù hợp với nguyện vọng của cháu S và ông H không có ý kiến gì nên HĐXX chấp nhận. Đối con chung Lê Việt T, sinh ngày 19.3.2000 đã trưởng thành tự có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con, tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng, bà cam đoan là đủ khả năng lo cho con. Xét yêu cầu trên của bà T là tự nguyện nên HĐXX không xét xét giải quyết.
- [4] Về tài sản chung: Ngày 28 tháng 02 năm 2018 và tại phiên tòa, ông Lê Việt H, bà Phạm Thị T có đơn rút yêu cầu chia tài sản trên. Xét yêu cầu trên là tự nguyện, phù hợp với Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia tài sản.
- [5] **Án phí và chi phí tố tụng khác:**
- Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ quốc hội. Hoàn trả cho bà phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm 43.300.000đ theo biên lai thu số:008147 ngày 22.3.2018 và hoàn trả cho ông Lê Việt H số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm 36.650.000đ theo biên lai thu số:007897 ngày 14 tháng 12 năm 2018.
 - Về chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị T và ông Lê Việt H phải có nghĩa vụ chịu 16.000.000đ chi phí Thẩm định giá tài sản. Số tiền trên ông Lê Việt H đã thanh

toán cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn tại Đà Nẵng. Tại phiên tòa hôm nay, bà T và ông H thỏa thuận mỗi người chịu 1/2 giá trị, nên bà T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê Việt H số tiền 8.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 217, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Lê Việt H

2/ Về con chung: Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung Lê Hùng S, sinh ngày 28.3.2008 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Lê Việt H không có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Khi ly hôn cha, mẹ đều có các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị T và ông Lê Việt H

4/ Án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 007513 ngày 03.10.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm là 43.300.000đ (Bốn mươi ba triệu, ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số:008147 ngày 22.3.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả cho ông Lê Việt H số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm 36.650.000đ (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm, năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số:007897 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Chi phí thẩm định giá tài sản: Bà Phạm Thị T và ông Lê Việt H chịu 16.000.000đ chi phí Thẩm định giá tài sản. Số tiền trên ông Lê Việt H đã thanh toán cho Công ty Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn tại Đà Nẵng nên bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê Việt H số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

5/ Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Vũ